

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học;
2. Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc L, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông Do, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị Trần Thị N và anh Trần Quốc L kết hôn với nhau từ ngày 14/01/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 23 tháng 7 năm 2018. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến ngày 01/5/2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị N phát hiện anh L sử dụng ma túy, chị N nhiều lần khuyên can mà anh L không từ bỏ ma túy nên ngày

01/11/2018 anh L bị bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu, tỉnh Cà Mau. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể duy trì và cũng không đạt được hạnh phúc nên chị Trần Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc L.

- Về nuôi con chung: Chưa có con.
- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 7 năm 2019, bị đơn anh Trần Quốc L trình bày:*

Tôi có nhận được thông báo của Tòa án về việc vợ tôi xin ly hôn nhưng tôi hiện đang bị giam tại Trại giam Cái Tàu về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

Về hôn nhân: Tôi và vợ có tìm hiểu trước khoảng 04 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý và muốn có thời gian gặp vợ để thương lượng và hàn gắn hôn nhân.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị N, bị đơn anh Trần Quốc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị Trần Thị N và anh Trần Quốc L kết hôn với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 23 tháng 7 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị N xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị N phát hiện anh L sử dụng ma túy, chị N nhiều lần khuyên can mà anh L không từ bỏ ma

túy dẫn đến ngày 01/11/2018 anh L bị bắt và bị xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hậu quả là anh L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu, tỉnh Cà Mau về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên chị N đã về sống chung với cha mẹ ruột tại ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang từ năm 2018 cho đến nay. Chị N xác định đời sống chung vợ chồng không thể duy trì và cũng không đạt được hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Chị N được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chưa có con chung.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị N phải chịu nộp 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Quốc L.
2. Về nuôi con chung: Hai đương sự chưa có con chung.
3. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị N phải chịu nộp án phí, chị N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016414 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đất Mới;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo